

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 -2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87 /2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1986; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A L, khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A L, khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09/7/2024 biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không biết quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã nhiều làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị Võ Thị N tự mình gây nợ nần và bỏ đi khỏi nhà, đi làm ăn xa, vợ chồng đã sống ly thân một

thời gian, trong thời gian đó tôi ở nhà một mình vừa chăm sóc con vừa làm việc để có tiền trả nợ cho chị N. Sau thời gian đó, tôi liên lạc với chị N kêu vợ trở về nhà để cùng làm ăn buôn bán, phụ giúp tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ các con, tôi và chị N cố gắng hoà hợp để xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Nhưng được 02 năm thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn được, chị N tiếp tục gây ra nợ nần. Hàng ngày chị N đi ra khỏi nhà để làm gì thì tôi không biết, chị N cũng không nói với tôi, đến chiều tối thì chị N mới về nhà khiến cho vợ chồng xa cách, tình cảm lạnh nhạt dần, các khoản nợ của chị N gây ra thì tôi không còn khả năng trả nợ. Hiện tại, chị N lại bỏ nhà ra đi và báo rằng mình làm việc ở xa nên không về. Nay, tôi thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với chị **Võ Thị N**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Anh T1**, sinh ngày 31/7/2013. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị **Võ Thị N** không có ý kiến và vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị N vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Phạm Minh T** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị **Võ Thị N**, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị **Võ Thị N** có địa chỉ: **Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** và chị **N** tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2008 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do vợ chồng tính tình không

hợp nhau, chị **N** sống thiếu trách nhiệm, không biết quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Anh **T** đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Anh **T** yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với chị **Võ Thị N**.

Qua lời trình bày của anh **T**, cho thấy chị **N** đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân hai vợ chồng ly thân không chung sống với nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh **T** xin ly hôn với chị **N** là có căn cứ, cần ghi nhận cho anh **T** được ly hôn với chị **N**.

[5] Về con chung: Anh **T** và chị **N** có 01 con chung tên **Phạm Anh T1**, sinh ngày 31/7/2013, hiện con chung đang sống với anh **T**. Khi ly hôn, anh **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại cháu **T1** còn nhỏ trong độ tuổi ăn học, cần có sự nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và gần gũi với các cháu, hiện tại cháu **T1** đang sống với cha, để đảm bảo đời sống, sinh hoạt không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tinh thần sự phát triển của các cháu. Xét thấy yêu cầu của anh **T** về việc giao con chung cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **T** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của anh **T**, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T**.

[10] Về án phí: Anh **T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Võ Thị N.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho anh Phạm Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu tên: Phạm Anh T1, sinh ngày 31/7/2013, hiện cháu T1 đang sống với anh T.

+ Anh T không yêu cầu chị Võ Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004996 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Xem như anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Võ Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Minh T và chị Võ Thị N được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- UBND Phường N;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp